|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TRÀ VINH | **KIỂM TRA CUỐI KỲ I**  **MÔN: NGỮ VĂN 6**  **Thời gian làm bài: 90 phút.** |



**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực:**

- Đọc: Đọc hiểu truyện đồng thoại.

- Viết: Văn tự sự (Kể một trải nghiệm của bản thân)

**2. Phẩm chất:**

- Trung thực trong làm bài kiểm tra.

- Tính tự giác, tích cực chủ động hoàn thành nhiệm vụ học tập

**II. HÌNH THỨC ĐỀ, THỜI GIAN**

- Hình thức: Trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận.

- Thời gian làm bài: 90 phút.

**III. MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **% Tổng**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc** | Truyện đồng thoại. | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 | **40** |
| **Tổng điểm** | | | ***1,5*** | ***0*** | ***2,5*** | ***0*** | ***0*** | ***2,0*** | ***0*** | ***4,0*** | **10,0** |
| **Tỉ lệ %** | | | ***15%*** | | ***25%*** | | ***20%*** | | ***40%*** | | **100%** |
| **Tỉ lệ chung** | | | ***60%*** | | | | | | ***40%*** | | **100%** |

**IV. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kỹ năng** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc** | Truyện đồng thoại. | **Nhận biết:**  - Nhận biết được thể loại(B1), ngôi kể (B2), đề tài (B3),  **Thông hiểu:**  - Hiểu được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. (H4)  - Xác định công dụng của dấu ngoặc kép (H5)  - Xác định các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa) được sử dụng trong văn bản. (H6)  - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. (H7)  - Hiểu được nghĩa của yếu tố Hán Việt trong văn bản cụ thể (H8).  **Vận dụng**:  - Trình bày ý kiến về hành động của các nhân vật. (VD9)  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra. (VD10) | 3TN | 5TN  0TL | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. |  |  |  | 1TL |
| **Tổng số câu** | | |  | **3 TN** | **5TN**  **0TL** | **2TL** | **1 TL** |
| **Tổng điểm** | | |  | **1,5** | **2,5** | **2,0** | **4,0** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***15%*** | ***25%*** | ***20%*** | ***40%*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | ***60%*** | | | ***40%*** |

**V. ĐỀ KIỂM TRA**

**PHẦN I. ĐỌC (6,0 điểm).**

**Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu dưới đây:**

**CON THỎ TRẮNG THÔNG MINH**

*Một ngày nọ, thỏ, khỉ và dê rủ nhau lên núi chơi. Đột nhiên chúng phát hiện ra con sói già đang lẻn vào nhà gà và lấy trộm trứng.  
 Dê giọng nhỏ nhẻ: “Con sói kia hung dữ lắm. Chúng ta chi bằng giả vờ không nhìn thấy, cứ để nó trộm. Nếu mình vào nói có khi bị nó ăn thịt mất”.*

*Khỉ tức giận nói: “Làm sao lại để yên khi biết chúng làm việc xấu. Hãy để tôi”. Nói xong, khỉ dũng cảm xông lên: “Con sói già kia, tại sao lại lấy trộm đồ của người khác. Để trứng xuống ngay”.*

*Sói nhìn xung quanh không thấy có người liền hung hãn quát: “Con khỉ to gan nhà ngươi, không muốn sống nữa hả. Ngươi dám chen vào chuyện của tao hả. Hôm nay ngươi sẽ phải chết”, vừa dứt lời con sói già giơ móng vuốt vồ nhanh lấy khỉ.*

*Khỉ hoảng sợ chờ đợi cái chết thì bất ngờ tiếng súng nổ lên. “Sói, đầu hàng đi, ngươi đã bị bao vây”, tiếng bác cảnh sát vang lên. Hóa ra lúc dê và khỉ đang tranh luận cách giải quyết thì thỏ đã nhanh trí chạy đi báo cảnh sát. Vì vậy mà khỉ đã thoát chết và sói đã bị trừng phạt thích đáng.*

(Bài tập Ngữ văn 6, Tập 1, sách ***Kết nối tri thức với cuộc sống***, NXBGD 2020)

**Câu 1 (0,5 điểm).** Chỉ ra từ ngữ thích hợp trong các từ sau: *thanh niên, thiếu niên, thiếu nhi, người lớn* để hoàn chỉnh khái niệm: *“Truyện đồng thoại là thể loại văn học dành cho ... Nhân vật trong truyện đồng thoại thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hóa.”*

**Câu 2 (0,5 điểm).** Xác định ngôi kể được sử dụng trong văn bản trên?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba

C. Ngôi thứ nhất số ít.

D. Ngôi thứ nhất só nhiều.

**Câu 3 (0,5 điểm).** *Đề tài của văn bản trên là kể về con thỏ thông minh*. Nhận định trên đúng hay sai?

A. Đúng B. Sai.

**Câu 4 (0,5 điểm).** Từ ngữ nào thể hiện đúng nhất thái độ của người viết đối với việc làm của thỏ trong văn bản trên?

A. khen ngợi B. quan tâm C. tự hào D. trân trọng.

**Câu 5 (0,5 điểm).**Các dấu ngoặc kép trong văn bản trêncó cùng công dụng gì?

A. Đánh dấu những từ ngữ được hiểu theo nghĩa đặc biệt.

B. Đánh dấu lời dẫn trực tiếp của nhân vật.

C. Đánh dấu khẩu hiệu, phương châm hoạt động.

D. Nhấn mạnh nội dung diễn đạt với ý mỉa mai, châm biếm.

**Câu 6 (0,5 điểm).** Biện pháp tu từ chủ yếu được dùng trong văn bản trên là gì?

A. Nhân hóa B. So sánh

C. Ẩn dụ D. Hoán dụ.

**Câu 7 (0,5 điểm).** Hãy nối cột A với cột B cho phù hợp với đặc điểm của các nhân vật trong văn bản trên.

|  |  |
| --- | --- |
| **A. Nhân vật** | **B. Phẩm chất, tính cách** |
| 1.Dê | a.Thông minh, nhanh trí |
| 2.Sói | b.Nhút nhát |
| 3.Thỏ | c.Hung hãn, ác độc |

**Câu 8 (0,5 điểm).** Yếu tố Hán Việt “dũng” trong từ “dũng cảm” của văn bản trên có nghĩa là gì?

A. Hào phóng, tốt bụng

B. Tài giỏi, sáng suốt

C. Kiên trì, nhẫn nại

D. Gan dạ, không sợ hiểm nguy.

**Câu 9 (1,0 điểm).** Có ý kiến cho rằng hành động của nhân vật khỉ khi đương đầu với sói như thế là không nên, em đồng ý không? Vì sao?

**Câu 10 (1,0 điểm).** Qua việc làm của thỏ,em rút ra được bài học ứng xử gì cho bản thân?

**PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm).**

Hãy kể lại một trải nghiệm của bản thân.

---HẾT---

**VI. HƯỚNG DẪN CHẤM**

**I. ĐỌC (6,0 ĐIỂM).**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| 1 | Thiếu nhi | 0,5 |
| 2 | B | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | A | 0,5 |
| 5 | B | 0,5 |
| 6 | A | 0,5 |
| 7 | A1- B2, A2 – B3, A3 – B1 | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | - HS trình bày được ý kiến của mình một cách hợp lý, mang tính tích cực.  - Lý giải được lý do một thuyết phục.  - HS có thể trả lời *đồng ý với ý kiến trên*, vì trước kẻ mạnh, kẻ xấu không nghe lý lẽ thì đừng dùng lý lẽ làm gì cho phí, lại có thể bản thân bị hậu quả khôn lường. Hoặc *không đồng ý* vì cần vạch mặt kẻ xấu, ngăn hậu quả xấu đối với mọi người *(Chấp nhận những cách lý giải khác nhau nhưng có lý).* | 1,0 |
| 10 | HS nêu được bài học ứng xử cho bản thân (có ý nghĩa giáo dục) | 1,0 |

**II. VIẾT (4,0 ĐIỂM).**

|  |  |
| --- | --- |
| a. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự: Mở bài giới thiệu nhân vật, sự việc, tình huống; Thân bài kể diễn biết sự việc; Kết bài kể sự việc kết thức, kết quả sự việc.* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: Kể một trải nghiệm của bản thân | 0,25 |
| *c. Kể lại một trải nghiệm*  HS có thể triển khai cốt truyện, kết hợp kể với miêu tả và biểu cảm theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| - Sử dụng ngôi kể thứ nhất.  - Giới thiệu được trải nghiệm.  - Các sự kiện chính: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.  - Cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó. | 3,0 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
| *e. Sáng* tạo: Lời kể sinh động, xây dựng tình huống bất ngờ, vận dụng tốt các biện pháp nghệ thuật. | 0,25 |